TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2021.
V/v: " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG – TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Dương Văn Ngạn và ông Nguyễn Quang Miên.

- ***Th ký phiên toà*:** Ông Phạm Hoàng Thanh - Th ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà***: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐHPT-ST ngày 15/01/2021, giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1984.(có mặt)

2 - Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986.(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lẻ Doi, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1957 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn Lẻ Doi, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Đức Tr và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng ngày 23/11/2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh Tr, sau đó làm nhà ở riêng trên đất của ông bà. Vợ chồng chung sống bình Thờng được đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tr nghi ngờ chị Đ có quan hệ ngoại tình với người khác mặc dù anh Tr không có căn cứ chứng minh. Kể từ đó, vợ chồng không còn tin tưởng nhau dẫn đến Thờng cãi nhau. Từ đầu năm 2019, anh chị bắt đầu mâu thuẫn nhiều hơn, kinh tế riêng biệt và sống ly thân nhau mặc dù vẫn ở cùng nhà. Việc anh chị có mâu thuẫn, anh chị không làm ầm ĩ lên vì muốn giữ thể diện cho nhau và không muốn các con phải buồn. Thực tế, vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, sống lạnh nhạt với nhau, không thể chia sẻ và nói chuyện được với nhau. Anh Tr thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đã làm đơn ra Tòa xin ly hôn. Sau đó, anh rút đơn khởi kiện để vợ chồng có biện pháp, thời gian hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, giữa anh chị không thể hòa hợp được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cho anh ly hôn chị Đ.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là M, sinh ngày 26/12/2008, Th, sinh ngày 26/8/2013 và Kh, sinh ngày 04/7/2019. Các con chung đều đang sống cùng anh chị. Khi ly hôn, anh Tr nhận nuôi dưỡng cháu M và cháu Th. Giao cháu Kh cho chị Đ nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện tại anh làm lái xe, thu nhập trung bình 13.000.000đ/tháng. Anh có nhà riêng làm trên đất của bố mẹ anh.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Chị Nguyễn Thị Đ thống nhất với anh Nguyễn Đức Tr về thời gian, điều kiện kết hôn. Anh chị chung sống bình Thờng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do một lần ăn cơm tối, thấy anh Tr không về, gọi điện không nghe máy. Ba mẹ con chị ăn cơm xong, chị nói con dọn rửa đồ đạc vì bố không về. Sau đó, anh Tr về thấy không còn cơm thì cho rằng chị coi Thờng anh. Chị đã xin lỗi nhưng anh Tr vin vào cớ đó rồi lạnh nhạt với chị. Trong cuộc sống, anh Tr không đưa tiền cho chị nuôi con, chị không đòi hỏi gì mà đi làm được bao

nhiêu là lo cho gia đình bấy nhiêu. Anh Tr cho rằng chị có quan hệ ngoại tình với người tên là T vào năm 2010. Việc này không đúng. Chị Đ khẳng định là không có quan hệ bất chính với anh T hay bất cứ người đàn ông nào khác. Ngược lại, chị thấy một số người bạn của anh Tr nói chuyện là anh Tr có quan hệ với người khác nhưng chị không có căn cứ chứng minh và không đề nghị Tòa án xác minh vấn đề này. Anh chị không cãi nhau, không đánh nhau nhưng hơn một năm nay, anh Tr không nói chuyện, không chia sẻ gì với chị, không quan tâm gì đến chị và vợ chồng sống ly thân nhau mặc dù vẫn ở cùng nhà. Từ đầu năm học 2020-2021, anh Tr nhận trách nhiệm về chi phí học hành của hai cháu lớn. Còn các khoản chi phí khác của cả ba con vẫn do chị Đ chịu trách nhiệm. Thực tế, vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nhưng chị không muốn ly hôn anh Tr vì ba con còn quá nhỏ. Anh Tr đi đâu thì đi, chị không cấm cản. Chị muốn các con có bố có mẹ để các cháu đỡ thiệt thòi. Vì thế, lần trước anh Tr làm đơn xin ly hôn, chị không đồng ý. Từ đó đến nay, chị đã nhiều lần nói chuyện, nhờ bố mẹ chồng tác động với anh Tr để vợ chồng hóa giải mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh Tr vẫn kiên quyết đòi ly hôn. Hai gia đình cũng đã có buổi nói chuyện gần đây để hòa giải cho anh chị. Cả hai bên gia đình đều thống nhất không đồng ý cho anh chị ly hôn. Vì vậy, anh Tr xin ly hôn, chị không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có ba con chung như anh Tr trình bày. Nếu phải ly hôn, chị Đ đề nghị Tòa án giao cháu M và cháu Th cho anh Tr; Giao cháu Kh cho chị Đ nuôi dưỡng. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện nay chị làm hành chính của một công ty, thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng. Chị có nhà riêng làm trên đất của bố mẹ anh Tr để mẹ con sinh sống.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng – ông Nguyễn Đức H trình bày: Ông Huy là bố đẻ của anh Tr. Sau khi anh Tr và chị Đ kết hôn, anh chị ở cùng vợ chồng ông đến nay. Quá trình chung sống, anh Tr và chị Đ không có mâu thuẫn với nhau, không có mâu thuẫn với ông bà. Gần đây, anh Tr làm đơn xin ly hôn chị Đ với lý do chị Đ ngoại tình, chị Đ thì cho rằng anh Tr có người phụ nữ khác nhưng đều không có căn cứ gì chứng minh. Ông H thấy anh Tr chị Đ vẫn chung sống bình thường, chị Đ dứt khoát không đồng ý ly hôn. Ông đề nghị Tòa án xem xét và không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tr.

Anh chị có ba con chung. Ông bà hỗ trợ rất nhiều để anh Tr chị Đ có thời gian lo công việc. Bà ngoại các cháu chu cấp hoàn toàn về gạo ăn cho vợ chồng Tr Đ từ trước đến nay.

Bà Trần Thị H trình bày: Anh Tr và chị Đ có mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do anh Tr không tin tưởng chị Đ. Vợ chồng không to tiếng nhưng thường gằn hắt nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải anh chị nhưng anh chị vẫn mâu thuẫn. Lúc trước, ông Huy trình bày anh Tr chị Đ không có mâu thuẫn là vì không muốn anh chị ly hôn ảnh hưởng đến ba cháu nhỏ. Anh Tr và chị Đ đều đã trưởng thành và anh chị tự quyết định hôn nhân của mình. Dù anh chị nuôi con nào thì ông bà vẫn tạo điều kiện trông nom, chăm sóc các cháu, giúp đỡ anh chị khi anh chị bận công việc.

Cháu M và cháu Th có nguyện vọng được ở với anh Tr.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh Tr và chị Đ cư trú tại thôn Lẻ Doi, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Khoảng 3,4 năm trở lại đây, vợ chồng có mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng lối sống. Địa phương cùng gia đình đã động viên, phân tích để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con chung nhưng chỉ được một thời gian, anh chị lại mâu thuẫn. Anh chị có ba con chung. Anh chị đều có chỗ ở, thu nhập ổn định và đảm bảo điều kiện nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh đề nghị Toà án cho anh được ly hôn chị Đ vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và không còn tình cảm với nhau. Anh đã cố gắng cùng chị dung hòa cuộc sống nhưng càng ngày càng không thể hòa hợp được. Anh chị đều cố gắng không để ai biết được mâu thuẫn của mình. Gia đình hai bên và địa phương đã hòa giải cho vợ chồng nhưng anh thực sự không còn tình cảm với chị Đ, anh kiên quyết xin được ly hôn. Về con chung: Anh đề nghị được nuôi 02 con chung là cháu M và cháu Th, giao cháu Kh cho chị Đ nuôi dưỡng đến khi các con thành niên. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Th ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Th ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 , Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Anh Nguyễn Đức Tr ly hôn chị Nguyễn Thị Đ. Về con chung: Giao con chung là M, sinh ngày 26/12/2008, Th, sinh ngày 26/8/2013 cho anh Tr; Giao con chung là Kh, sinh ngày 04/7/2019 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh Tr và chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:*** Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người làm chứng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân***: Anh Nguyễn Đức Tr và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ngày 23/11/2007. Quan hệ hôn nhân giữa anh Tr và chị Đ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, từ đó dẫn đến cãi nhau và đã sống ly thân mặc dù vẫn ở cùng nhà. Kinh tế, sinh hoạt giữa anh chị riêng biệt. Chị Đ và anh Tr đều thừa nhận anh chị mâu thuẫn đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Việc anh chị có mâu thuẫn, anh chị không để người khác biết vì muốn giữ thể diện cho nhau và không muốn các con phải buồn. Anh Tr đã làm đơn xin ly hôn một lần nhưng lại rút đơn về để vợ chồng có thêm cơ hội, thời gian hàn gắn tình cảm. Địa phương và gia đình đã hòa giải, khuyên nhủ vợ chồng. Chị Đ nhiều lần nói chuyện và chủ động làm lành với anh Tr, nhờ bố mẹ chồng tác động anh Tr để vợ chồng hóa giải mâu

thuẫn. Anh Tr không dung hòa được với chị Đ và kiên quyết đòi ly hôn trong khi chị Đ không đồng ý vì muốn các con có đủ bố mẹ.

Lời khai của anh Tr và chị Đ về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau, phù hợp với cung cấp của địa phương, người làm chứng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực trạng hôn nhân của chị Đ và anh Tr thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị là có thật và kéo dài đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm Tr, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh Tr được ly hôn chị Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. ***Về con chung:*** Anh chị có ba con chung là M, sinh ngày 26/12/2008, Th, sinh ngày 26/8/2013 và Kh, sinh ngày 04/7/2019. Anh Tr và chị Đ đều có điều kiện về kinh tế và chỗ ở cũng như các điều kiện khác để nuôi con. Cháu M và cháu Th có nguyện vọng được ở với anh Tr. Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo cho các cháu ổn định về tâm lý cũng như học tập.

Quá trình giải quyết, anh chị thống nhất, nếu phải ly hôn, giao con chung là cháu M và cháu Th cho anh Tr; Giao con chung là cháu Kh cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung thành niên. Anh Tr và chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Việc tự nguyện thỏa thuận của anh chị về nuôi con phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp quy định của các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. ***Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung:*** Anh Tr và chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. ***Về án phí:*** Anh Nguyễn Đức Tr phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147. Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Tr ly hôn chị Nguyễn Thị Đ

2. Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung là M, sinh ngày 26/12/2008, Th, sinh ngày 26/8/2013 cho anh Tr; Giao con chung là Kh, sinh ngày 04/7/2019 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 01 năm 2021 đến khi các con chung thành niên. Anh Tr và chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức Tr phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà anh Tr đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000185 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Anh Tr đã thi hành xong tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giang;
- Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng;
- UBND TT Lai Cách;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thúy Hằng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI D- ƠNG** **TỈNH HẢI D- ƠNG** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------** *TP Hải D□ơng, ngày 30 tháng 12 năm 2016*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI D- ƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thúy Hằng.**

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan và ông **Lê Văn C-**

Vào hồi …. giờ ….. phút ngày 30 tháng 12 năm 2016, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình, giữa nguyên đơn chị Lê Thị Th- ơng và bị đơn anh Cao Duy H- ng**.**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đ- ơng sự, đại diện viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất 100%, biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 8 Điều 27 - Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thơng và anh Cao Duy Hưng.

2. Về quan hệ con chung: Khi ly hôn, giao cháu Cao Thị Tố Như, sinh ngày 15/9/2011 cho anh Cao Duy Hưng; giao cháu Cao Nguyên Phúc, sinh ngày 04/01/2014 cho chị Lê Thị Thơng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01 năm 2017 đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Chị Thơng, anh Hưng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và đều được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thơng phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị Thơng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/006380 ngày 06/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương, chị Thơng đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biên bản lập xong vào hồi …. giờ …. phút cùng ngày. Các thành viên hội đồng xét xử cùng đọc lại nhất trí ký tên.

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà.**

Phạm Thúy Hằng